

Số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 3 - 2024.

Về: “tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;

2. Ông Châu Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Danh San Vúth D, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Tổ G, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Néang Kim T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp P, xã Ô, huyện T, tỉnh An Giang;

Tại phiên tòa ông D có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Danh San Vúth D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành là do tự tìm hiểu và chung sống nhau vào năm 2014, hôn nhân có tổ chức đám cưới, nhưng từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T không tôn trọng ông, thường xuyên vô cớ kiểm chuyện gây cãi rồi bỏ mặt ông và con nhỏ đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh và hai người ly thân nhau từ 03 năm nay, trong thời gian ly thân, ông vì con chung mà cố gắng liên lạc nhằm hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông với bà T có 01 con chung tên Danh San Kim T1, sinh ngày 21/10/2015, hiện do ông nuôi. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T1, ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà T không có nợ chung.

Bị đơn bà Néang Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà với ông D được hình thành đúng như ông D trình bày và bà cũng thừa nhận từ trước nay hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và xung đột nhau, nên bà bỏ mặt chồng và con đi làm công nhân. Trong thời gian ly thân bà và ông D không liên lạc, không quan tâm nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, nên bà đồng ý ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Đúng là giữa bà với ông D có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông D trình bày, hiện con chung do ông D nuôi. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu T1 cho ông D tiếp tục nuôi theo ý nguyện của cháu, bà xin không cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của ông D.

Tại phiên tòa, ông D bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông D – bà T chung sống nhau từ năm 2014, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận ông D – bà T là quan hệ vợ chồng; về quan hệ con chung, hai bên thống nhất giao cháu T1 cho ông D nuôi theo ý nguyện của cháu, ông D không yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị HĐXX công nhận tự nguyện thỏa thuận. Các phần khác hai bên không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông D khởi kiện ly hôn với bà T là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn giải quyết đúng thẩm quyền. **Bà T có đơn yêu cầu vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt bà T theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.**

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông D – bà T được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 2014; lẽ ra ông D – bà T phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa ông D – bà T cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông D – bà T phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Ô ngày 21/02/2024, nơi ông D – bà T có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận ông Danh San Vúth D – bà Néang Kim T là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Ông D – bà T thống nhất khi ly hôn giao cháu D1 San Kim Thoa cho ông D tiếp tục nuôi. Xét cháu T1 hiện trên 07 tuổi, ý nguyện của cháu là sau khi ly hôn được tiếp tục sống với cha, nên thỏa thuận về việc giao con chung giữa ông D – bà T là phù hợp pháp luật, HĐXX nghĩ nên công nhận.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông D biết: Trong thời gian nuôi con, ông cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa ông D không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông D – bà T tự thỏa thuận về tài sản chung; nợ chung hai bên xác định không có, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông D2.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Danh San Vúth D – bà Néang Kim T là quan hệ vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Công nhận thỏa thuận giữa ông D – bà T, giao cháu Danh San Kim T1, sinh ngày 21/10/2015 cho ông D tiếp tục nuôi.

Công nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà ThanhUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông D – bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông D – bà T khai không có nợ chung.

Về án phí: Ông Danh San Vúth D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012185 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (ông D nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND thị trấn Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ

